TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/DS-PT
Ngày 06/3/2023.
V/v "Tuyên bố di chúc không hợp pháp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Tạ Văn Vinh.
Các Thẩm phán: ông Đinh Huy Lưỡng và ông Nguyễn Tử Lượng.
- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số 14/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc *"tuyên bố di chúc không hợp pháp"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2023/QĐPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 02/2023/QĐPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Quách Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1944.

Địa chỉ: thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình *(văn bản ủy quyền ngày 01/02/2023)*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hóa: ông Phạm Trung Kết – Luật sư văn phòng Luật sư Trường Sơn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: số 234 đường Lương Văn Thăng, phố 3, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: anh Quách Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình *(văn bản ủy quyền ngày 17/01/2022)*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Toan: ông Lê Đình Hải – Luật sư Công ty luật TNHH MTV Đình Hải thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ: số 10/28/317A phố Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Duy Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

4. Người kháng cáo: bị đơn anh Quách Văn T.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt bà Quách Thị H, ông Nguyễn Văn P, anh Quách Văn T, Luật sư Phạm Trung Kết, Luật sư Lê Đình Hải. Vắng mặt: chị Nguyễn Thị Thu H ông Trần Duy Đ do có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bố bà Quách Thị H là ông Quách Đại T, sinh ngày 06/6/1928 chết ngày 10/9/2020, mẹ là bà Đinh Thị C, sinh năm 1927 chết ngày 13/11/2013. Bố mẹ bà sinh được 06 người con gồm: bà Quách Thị N, sinh năm 1955; bà Quách Thị T, sinh năm 1957; bà Quách Thị H, sinh năm 1958; ông Quách Văn N, sinh năm 1960 *(chết năm 2011)*; ông Quách Văn N1 sinh năm 1963; bà Quách Thị H, sinh năm 1965. Quá trình chung sống bố, mẹ bà có tạo dựng được khối tài sản là căn nhà 02 gian mái bằng diện tích khoảng 20m^2 và diện tích đất là 2.356m^2 trong đó có 340m^2 đất ở, 380m^2 đất vườn, 220m^2 đất ao tại thửa số 162, tờ bản đồ số 04 còn lại là đất mầu, đất lúa, đất mạ, đã được UBND huyện N, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H648525 ngày 07/10/1997 mang tên ông Quách Đại T. Khi bố, mẹ bà còn sống không có ý nguyện để lại khối tài sản cho bất cứ một người con hay cháu nào, nên tất cả các chị em trong gia đình vẫn tin tưởng di sản của bố, mẹ vẫn chưa được định đoạt cho ai, nhưng đến khi gia đình làm lễ 49 ngày cho bố vào ngày 19/10/2020 xong thì các chị em mới họp bàn bạc việc xây dựng nhà thờ trên đất bố, mẹ để lại. Khi các chị em nói chuyện này, vợ ông N là bà Nguyễn Thị S và con ông N là cháu Quách Văn T không đồng ý với lý do là ông bà đã sang tên cho cháu Quách Văn T. Ông Quách Văn N1 là chú ruột của cháu Toán, có điện về cho cháu Toan nói là nguồn gốc đất là của ông bà để lại mẹ con cháu phải cắt đất để làm nhà thờ tổ tiên, ông bà chứ các bác, các chú không lấy đất để bán, để ở. Cháu Toan có nói đất ông bà đã chuyển tên cho cháu là quyền của cháu. Các chị em bà đã làm văn bản ủy quyền cho Văn phòng luật sư Trường Sơn đề nghị UBND xã L, huyện N hòa giải tranh chấp đất đai. UBND xã đã báo gọi hai lần nhưng anh Toan không đến hòa giải. UBND xã L đã lập biên bản hòa giải không thành, cung cấp hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Quách Đại T và anh Quách Văn T; hồ sơ chứng thực Di chúc của ông T và bà C. Sau khi nghiên cứu hồ sơ anh, em trong gia đình bà khẳng định bản Di chúc của ông T và bà C lập ngày 01/12/2012 là Di chúc không hợp pháp do trái pháp luật. Lý do:

Thứ nhất: chữ ký trong Di chúc không phải chữ ký của ông Quách Đại T;

Thứ hai: bà Đinh Thị C không biết chữ chỉ điểm chỉ nhưng lại ký tên là Đinh Thị C;

Thứ ba: bà C điểm chỉ nhưng không có người làm chứng. Bản di chúc có 02 loại chữ khác nhau, mâu thuẫn trong nội dung di chúc "*Di chúc do tự tay chúng tôi viết"* nhưng di chúc không phải chữ viết của ông T, ai là người viết hộ theo ý muốn của ông bà không được thể hiện trong di chúc và hồ sơ chứng thực.

Thứ tư: phiếu yêu cầu chứng thực đề ngày 01/12/2012 nhưng đến ngày 28/12/2012 phó chủ tịch UBND xã Nguyễn Đức H mới chứng thực và chỉ có một mình ông T đề nghị chứng thực, không thể hiện nội dung ông T ký và bà C điểm chỉ trước mặt người chứng thực là vi phạm NĐ 75/2000 ngày 08/12/2000 của Chính phủ. Với những căn cứ nêu trên bà Hóa đề nghị Tòa án: tuyên bố di chúc của ông Quách Đại T và bà Đinh Thị C lập ngày 01/12/2012 là Di chúc không hợp pháp.

Khi khởi kiện, bà Quách Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất giữa cụ Quách Đại T và anh Quách Văn T vô hiệu sau đó bà Hóa đã rút yêu cầu này, do đó bà Hóa không đề nghị Tòa án đưa các bà Quách Thị N, Quách Thị T, Quách Thị H; các ông Quách Văn N1, Quách Văn N vào tham gia tố tụng vì những người này không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến nội dung di chúc và việc tuyên bố di chúc của cụ T, cụ C vô hiệu.

Tại các bản trình bày, tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Bị đơn anh Quách Văn T và người đại diện theo ủy quyền của anh Quách Văn T trình bày:

Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 21/HĐTA ngày 04/7/2015 giữa ông Quách Đại T và anh Quách Văn T vô hiệu do trái pháp luật và trái đạo đức xã hội là không đúng. Ông bà nội anh sinh được 06 người con và quá trình chung sống ông bà anh có tạo lập được khối tài sản chung như nguyên đơn trình bày. Sau khi bố anh là ông Quách Hữu Nghị chết năm 2011, ngày 01/12/2012 ông bà nội anh có lập di chúc với nội dung để lại toàn bộ tài sản trên cho anh. Năm 2013, bà nội anh (bà C) chết. Ngày 25/6/2015 ông nội anh *(ông T)* đã làm đơn tặng cho anh toàn bộ tài sản trên. Ngày 04/7/2015 ông nội anh đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 21/HĐTA với nội dung ông Quách Đại T tặng cho anh toàn bộ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 162, tờ bản đồ số 4 diện tích 2.356m^2 *(340m^2 đất ở, 380m^2 đất vườn, 220m^2 đất ao)* và tài sản gắn liền với đất là căn nhà mái bằng 02 gian diện tích 20m^2. Hợp đồng được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực của ông Lê Xuân C - Chủ tịch UBND xã L theo đúng quy định tại Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2005. Mặc dù tài sản trên ông nội anh chỉ có quyền định đoạt một nửa phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình nhưng tại bản di chúc ngày 01/12/2012 đã thể hiện ý chí của bà nội anh trong việc để lại toàn bộ tài sản trên cho anh. Thời điểm lập Hợp đồng tặng cho bà nội anh đã mất nên không thể ký vào Hợp đồng tặng cho là điều hợp lý.

Bản Di chúc của ông Quách Đại T và bà Đinh Thị C lập ngày 01/12/2012 thể hiện việc ông bà để lại cho anh toàn bộ tài sản. Di chúc có chữ ký của ông T, bà C do không biết chữ nên đã điểm chỉ vào di chúc bằng ngón tay trỏ bàn tay

phải. Việc ký tên và điểm chỉ của ông bà đã được ông Nguyễn Đức H - Phó chủ tịch UBND xã chứng thực. Nguyên đơn cho rằng chữ ký trong Di chúc không phải chữ ký của ông T thì nguyên đơn phải chứng minh. Di chúc có đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005: ông bà anh hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe doạ hoặc cưỡng ép; nội dung di chúc, hình thức di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Di chúc này là hợp pháp. Phiếu yêu cầu chứng thực văn bản đề ngày 01/12/2012 nhưng đến ngày 28/12/2012, Phó chủ tịch UBND xã Nguyễn Đức H mới chứng thực vì: ngày 01/12/2012 ông anh có đến UBND xã để yêu cầu chứng thực nhưng do thiếu các giấy tờ, nên cán bộ tư pháp có yêu cầu bổ sung. Đến ngày 28/12/2012 khi đã nộp đầy đủ các giấy tờ theo yêu cầu thì Phó chủ tịch UBND xã Nguyễn Đức H mới chứng thực bản Di chúc. Thủ tục lập di chúc của ông anh tại UBND xã được thực hiện đúng theo quy định của Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005. Nguyên đơn cho rằng Di chúc không hợp pháp vì vi phạm Nghị định số 23/2015 ngày 16/02/2015 của Chính phủ là không đúng vì thời điểm lập di chúc là năm 2012, Nghị định số 23 ngày 16/02/2015 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 10/4/2015. Như vậy, năm 2012 làm gì đã có Nghị định số 23 của Chính phủ để nói thủ tục lập di chúc vi phạm Nghị định số 23/2015. Bản di chúc của ông bà anh chỉ để lại tài sản cho riêng anh, không ai có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến bản di chúc này kể cả mẹ anh và chị, em, vợ anh.

Ngoài ra, khi ông T còn sống đã tổ chức họp gia đình và nói ai muốn lấy đất thì gia đình anh sẽ chia cho nhưng lúc đó không ai lấy *(vì lúc đó đất là 1 cái ao to toàn nước)*. Khi vợ chồng anh đổ đất lấp ao, xây bao loan tường thành một miếng đất to đẹp thì sau khi ông T chết mọi người về xin đất làm nhà thờ. Anh thiết nghĩ bao nhiêu năm ông còn sống mọi người không trực tiếp xin ông mà sau khi ông mất đi mới về đòi đất. Khi họp gia đình có mặt các cô, các bác và các chú anh đã công bố bản di chúc ông để lại cho mọi người cùng xem. Vợ chồng anh thống nhất cắt riêng một mảnh đất làm nhà thờ nhưng các cô các chú không đồng ý, yêu cầu vợ chồng anh sang tên bìa đỏ. Theo nguyện vọng mọi người muốn được tự do thờ riêng thì anh cũng đã đồng ý nhưng các cô, các chú một mực đòi sang tên cho bà Quách Thị H và ông Quách Văn N1 thì anh không đồng ý. Trừ khi mọi người có mục đích khác thì mới yêu cầu sang tên.

Nguyên đơn nói rằng nhiều lần anh từ chối không có mặt tại các buổi hòa giải tại UBND xã và nói là anh không cho đất làm nhà thờ là không đúng sự thật. Ngày 07/6/2021, khi UBND xã tiến hành hòa giải anh cũng có mặt, đại diện UBND xã L là ông Trần Duy Đ- Chủ tịch và bà Lê Thị Thúy H - Công chức địa chính xã, ông Bùi Văn Đ - Trưởng thôn B, trước sự chứng kiến của mọi người anh cũng vẫn đồng ý cho đất chỉ là không sang tên, anh cũng ký vào biên bản tại buổi làm việc ngày hôm đấy. Từ những căn cứ trên, anh đề nghị Tòa án giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã L đề nghị: các chứng cứ tài liệu có liên quan đến việc giải quyết vụ án, Ủy ban xã đã cung cấp cho Tòa án, đề nghị căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện N đã áp dụng khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 652, 656, 668, 664 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị H.

2. Tuyên bố di chúc của các cụ Đinh Thị C, Quách Đại T lập ngày 01/12/2012 là không hợp pháp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Quách Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/8/2022, anh Quách Văn T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án số 08/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, công nhận di chúc lập ngày 01/12/2012 của cụ Quách Đại T và cụ Đinh Thị C là hợp pháp với lý do:

Nội dung trong di chúc ngày 01/12/2012 đã thể hiện việc ông bà để lại cho anh toàn bộ tài sản là căn nhà hai gian mái bằng diện tích khoảng 20m^2 và diện tích đất là 2.356m^2 trong đó 340m^2 đất ở, 380m^2 đất vườn, 220m^2 đất ao tại thửa 162, tờ bản đồ số 4, còn lại là đất mầu, đất lúa, đất mạ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H648525 ngày 07/10/1997 mang tên ông Quách Đại T. Chữ viết trong di chúc không phải chữ viết của cụ T là do ông anh đọc cho người khác viết hộ nhưng chính tay ông anh đã ký tên vào bản di chúc còn bà nội anh không biết chữ nên đã điểm chỉ vào di chúc.

Tòa án áp dụng Điều 652, 656 Bộ luật dân sự năm 2005 để đánh giá di chúc không hợp pháp là không đúng vì bà anh không biết chữ, di chúc do ông anh nhờ người viết hộ không có người làm chứng nhưng đã được Ủy ban nhân dân xã chứng thực. Mặt khác, Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì việc ký tên và điểm chỉ của ông bà anh đã được ông Nguyễn Đức H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L chứng thực. Phiếu yêu cầu chứng thực đề ngày 01/12/2012 nhưng do thiếu giấy tờ nên khi nộp đủ giấy tờ ngày 28/12/2012 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã mới chứng thực là hoàn toàn phù hợp.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp về hình thức, không yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu về nội dung, như vậy chính nguyên đơn cũng đã thừa nhận nội dung của di chúc. Việc lập di chúc và nội dung của di chúc phản ánh đúng ý chí và nguyện vọng của ông bà anh trong việc chuyển giao tài sản thuộc sở hữu của mình cho anh; khi lập di chúc ông bà anh không bị lừa dối, ép buộc nên ý chí, nguyện vọng của các cụ cần được tôn trọng.

Sau khi bà anh mất, ông anh đã lập hợp đồng tặng cho anh toàn bộ tài sản chung của hai cụ, bản án nhận định cụ T thay đổi ý không để lại di sản theo di chúc trong lúc di chúc chung của hai cụ chưa có hiệu lực pháp luật là không đúng. Hợp đồng tặng cho thể hiện cả ý chí của bà anh khi để lại cả phần di sản của bà anh cho anh để quyết định tặng cho cả khối tài sản chung của hai cụ là

đúng ý chí, nguyện vọng của bà anh chứ không thể nói trái với ý chí, nguyện vọng của bà anh.

Ngày 05/8/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS đối với bản án số 08/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện N với lý do:

Yêu cầu khởi kiện tuyên bố di chúc không hợp pháp là một dạng của tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn là một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ C có yêu cầu khởi kiện thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất khác cũng có quuyền có ý kiến đối với bản di chúc của bố mẹ để lại; Tòa án cấp sơ thẩm không đưa tất cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bỏ lọt người tham gia tố tụng.

Tòa án cấp sơ thẩm đưa Ủy ban nhân dân xã L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng không xác định người đại diện hợp pháp là vi phạm Điều 85, 134, 137 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án nhận định di chúc của cụ T và cụ C phải có người làm chứng là không đúng vì bản di chúc được lập tại Ủy ban nhân dân xã L, có phiếu yêu cầu chứng thực và thủ tục chứng thực được tuân theo quy định tại Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ trình tự, thủ tục chứng thực bản di chúc của Ủy ban nhân dân xã L để làm cơ sở xác định bản di chúc có hợp pháp hay không là thu thập chứng cứ không đầy đủ.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng đã phân tích.

Tại Bản tự khai ngày 18/02/2023, anh Quách Văn T khai: anh là người làm chứng cho cụ T và cụ C, là người lai hai cụ ra Ủy ban nhân dân xã L để chứng thực di chúc ngày 01/12/2012. Anh dùng xe lai hai cụ ra một lúc rồi các cụ ra về bảo với anh là cán bộ tư pháp không chứng thực cho vì thiếu một số giấy tờ. Đến ngày 28/12/2012, khoảng 8 đến 9 giờ anh lại lai hai cụ ra Ủy ban nhân dân xã L để chứng thực di chúc của hai cụ; hai cụ vào trong phòng tư pháp để làm thủ tục, anh ngồi ở ngoài đợi khi hai cụ xong việc lại lai về nhà.

Tại văn bản số 71/CV-UBND ngày 22/12/2023 của Ủy ban nhân dân xã L trả lời ý kiến của Văn phòng luật sư Trường Sơn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình, có nêu: Ngày 28/12/2012, Ủy ban nhân dân xã L có chứng thực bản di chúc của cụ Quách Đại T và Đinh Thị C do đồng chí Nguyễn Đức H – Phó chủ tịch ký, nhưng do chủ quan, sơ xuất Ủy ban nhân dân xã đã không yêu cầu chỉ định người làm chứng. Lý do là cụ Đinh Thị C là người không biết chữ. Cụ T không phải là người trực tiếp viết di chúc, ai viết bản di chúc này Ủy ban nhân dân xã không nắm được. Ngày 01/12/2012 bà Lê Thị Quỳnh T – công chức tư pháp xã là người tiếp nhận phiếu yêu cầu chứng thực của người nộp là cụ Quách Đại T, nhưng do bận nhiều công việc nên đến ngày 28/12/2012 bộ phận chuyên môn giúp việc mới trình phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ký chứng thực. Cụ T và cụ C ký và điểm chỉ trước mặt công chức tư pháp sau đó trình phó chủ tịch ký chứng thực.

Tại cấp phúc thẩm, Bị đơn là anh Quách Văn T có đơn đề nghị đưa thêm Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Đức H – Nguyên Phó chủ tịch và chị Lê Thị Quỳnh T – Nguyên là công chức tư pháp xã L và Người làm chứng là chị Quách Thị Tuyết viết hộ di chúc cho cụ T và cụ C tham gia tố tụng và triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

Tại Bản tự khai ngày 17/02/2023, chị Lê Thị Quỳnh T – Nguyên cán bộ Tư pháp xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình trình bày: Năm 2012, chị có làm cán bộ tư pháp xã L, huyện N. Ngày 28/12/2012, ông Quách Đại T và bà Đinh Thị C có đến Ủy ban nhân dân xã để yêu cầu chứng thực di chúc. Sau khi kiểm tra các giấy tờ cần thiết, tại thời điểm chứng thực ông T và bà C có đầy đủ năng lực hành vi dân sự dưới sự chứng kiến của chị và ông Nguyễn Đức H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; do thấy chữ viết trong bản di chúc không phải chữ viết của ông T nên chị đã đọc lại rõ ràng bản di chúc cho ông T và bà C nghe, hai ông bà đều đồng ý với nội dung trong di chúc và ký tên vào bản di chúc, bà C không biết chữ nhưng đã điểm chỉ vào bản di chúc. Sau đó ông Nguyễn Đức H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L đã ký tên, đóng dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L. Như vậy, việc chứng thực bản di chúc của ông T và bà C đã được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 09/02/2023, chị Quách Thị Tuyết *(người viết hộ di chúc cho cụ T và cụ C)* trình bày: Ngày 01/12/2012, tại nhà hai cụ, chị ngồi trước mặt hai cụ, hai cụ hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn. Cụ T do tuổi cao run tay, cụ C thì không biết chữ nên không T mình viết được bản di chúc. Vì vậy hai cụ đã nhờ chị viết hộ bản di chúc. Cụ T đã đọc cho chị viết di chúc, sau khi viết xong có yêu cầu chị đọc lại cho hai cụ nghe, chị đã đọc lại rõ ràng di chúc cho hai cụ cùng nghe, hai cụ đã đồng ý với nội dung trong di chúc. Lúc bấy giờ do sự hiểu biết của chị hạn hẹp về pháp luật nên chị đã không đề tên người viết hộ di chúc trong bản di chúc của hai cụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Quách Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại cấp phúc thẩm các đương sự giao nộp thêm tài liệu đã làm rõ nội dung vụ việc nên cần thay đổi nội dung kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; không chấp nhận kháng cáo của anh Quách Văn T, chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, giữ nguyên Bản án số 08/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N. Anh Quách Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của anh Quách Văn T được làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS, ngày 05/8/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N được làm đúng quy định tại các Điều 278, 279, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét đề nghị của anh Quách Văn T về việc đưa thêm Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Đức H – Nguyên Phó chủ tịch và chị Lê Thị Quỳnh T – Nguyên là công chức tư pháp xã L và Người làm chứng là chị Quách Thị Tuyết – Người viết hộ di chúc cho cụ T và cụ C vào tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử nhận thấy: ông Nguyễn Đức H và chị Lê Thị Quỳnh T là người có nhiệm vụ thay mặt Ủy ban nhân dân xã L chứng thực di chúc cho cụ Quách Đại T và Đinh Thị C nên Ủy ban nhân dân xã L phải chịu trách nhiệm đối với những công việc mà ông Nguyễn Đức H và chị Lê Thị Quỳnh T đã thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa Ủy ban nhân dân xã L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Ủy ban nhân dân xã L đã có ý kiến đối với việc chứng thực di chúc cho cụ Quách Đại T và Đinh Thị C. Mặt khác, ông Nguyễn Đức H, chị Lê Thị Quỳnh T đã có bản tự khai về trình tự, thủ tục thực hiện việc chứng thực di chúc và chị Quách Thị Tuyết cũng đã có bản tự khai về việc viết hộ di chúc cho cụ Quách Đại T và Đinh Thị C, lời khai của họ đều phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ và các đương sự khác nên đề nghị của anh Quách Văn T không được chấp nhận.

[4] Trên cơ sở đề nghị của anh Quách Văn T, Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Đức H, chị Lê Thị Quỳnh T và chị Quách Thị Tuyết đến tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng ông Nguyễn Đức H, chị Lê Thị Quỳnh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Thu H, ông Trần Duy Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét nội dung kháng cáo của anh Quách Văn T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N nhận thấy:

[5.1] Ngày 04/10/2021, bà Quách Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án: tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 21/HĐTA ngày 04/7/2015 giữa cụ Quách Đại T và anh Quách Văn T. Tuyên bố di chúc của cụ Quách Đại T và cụ Đinh Thị C lập ngày 01/12/2012 là Di chúc không hợp pháp. Ngày 08/6/2022, bà Quách Thị H có đơn xin rút yêu cầu đề nghị tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 21/HĐTA ngày 04/7/2015 giữa cụ Quách Đại T và anh Quách Văn T. Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2022, Tòa án nhân dân huyện N đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà Quách Thị H.

[5.2] Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót là không đưa các bà Quách Thị N, Quách Thị T, Quách Thị H, các ông Quách Văn N1, Quách Văn N là con đẻ của cụ Quách Đại T và cụ Đinh Thị C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm các bà Quách Thị N, Quách Thị T, Quách Thị H, các ông Quách Văn N1, Quách Văn N đã có đơn đề nghị không đưa họ vào tham gia tố tụng và đồng ý với nội dung của Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy việc đưa thêm những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không làm thay đổi bản chất của vụ án và không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ nên cần rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm.

[5.3] Trong Thông báo về việc thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa Ủy ban nhân dân xã L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/01/2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện N tham gia phiên họp với tư cách là người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã L. Đã triệu tập Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L tham gia phiên tòa vào ngày 22/7/2022 nhưng ngày 13/7/2022, ông Trần Duy Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Như vậy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L là người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã L, nhưng trong phần đầu của Bản án sơ thẩm không nêu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L là người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã L là thiếu sót, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N nêu là có căn cứ nhưng thiếu sót này không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên chỉ cần rút kinh nghiệm là phù hợp.

[5.4] Bị đơn khai và giải trình về trình tự thực hiện việc chứng thực di chúc ngày 01/12/2012, nguyên đơn không có ý kiến gì phản đối. Bản gốc của di chúc được giao cho người đề nghị chứng thực và Bản di chúc được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã L đều đã được các bên giao nộp cho Tòa án; hình thức và nội dung của hai bản di chúc này giống nhau; Ủy ban nhân dân xã L đã có ý kiến đối với việc chứng thực di chúc của cụ T và cụ C nên Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện việc xác minh làm rõ trình tự, thủ tục chứng thực của Ủy ban nhân dân xã L đối với di chúc của cụ Quách Đại T và cụ Đinh Thị C lập ngày 01/12/2012 là đúng quy định của pháp luật.

[5.5] Quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người viết hộ di chúc cho cụ T, cụ C đều thừa nhận cụ Đinh Thị C không biết chữ; chữ viết trong bản di chúc không phải của cụ T. Chị Quách Thị Tuyết xác nhận chị viết hộ di chúc tại nhà các cụ vào ngày 01/12/2012. Ngày 28/12/2012 các cụ ký tên và điểm chỉ tại Ủy ban nhân dân xã L trước mặt cán bộ tư pháp xã sau đó Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ký chứng thực. Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã L xác nhận khi chứng thực di chúc của cụ T, cụ C do chủ quan, sơ xuất Ủy ban nhân dân xã đã không yêu cầu chỉ định người làm chứng.

[5.6] Di chúc của các cụ Quách Đại T, Đinh Thị C lập ngày 01/12/2012 không có tên và chữ ký của người làm chứng, chỉ có chữ ký và chữ viết họ tên của cụ Quách Đại T; điểm chỉ và chữ viết họ tên của cụ Đinh Thị C; con dấu, chữ ký và họ tên chức danh Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L. Bản di chúc không phải do cụ T viết, cụ C là người không biết chữ nhưng tại thời điểm lập di chúc tại nhà không có ít nhất là hai người làm chứng. Người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã L khi thực hiện trình tự, thủ tục chứng thực di chúc mặc dù biết chữ viết trong di chúc không phải của cụ Quách Đại T và cụ Đinh Thị C không biết chữ nhưng không yêu cầu hoặc chỉ định người làm chứng khi chứng thực di chúc.

[5.7] Bản di chúc của các cụ Quách Đại T và Đinh Thị C lập ngày 01/12/2012, chứng thực ngày 28/12/2012 không được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 652, Điều 656, khoản 2 Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP, ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng chứng thực. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị H, tuyên bố di chúc của các cụ Đinh Thị C, Quách Đại T lập ngày 01/12/2012 là không hợp pháp là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên bản án số 08/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện N.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Quách Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Quách Văn T. Chấp nhận việc thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: anh Quách Văn T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003673 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Huy Lưỡng **Nguyễn Tử Lượng** **Tạ Văn Vinh**